

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI**

Mẫu số 12/ĐK  
**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **431** /PCTT-VPĐK-ĐK

TP.HCM, ngày **13** tháng **6** năm 2025

**PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN**  
**ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI**  
**CỦA 10 HỒ SƠ DỰ ÁN KHU DÂN CƯ VÀ CÔNG VIÊN PHƯỚC THIÊN**  
**THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC (Lô A10 – S1)**

Kính gửi: Đội Thuế Thành phố Thủ Đức.

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI</b><br>1.1. Mã hồ sơ: <i>Theo danh sách đính kèm 10 hồ sơ.</i><br>1.2. Ngày nhận hồ sơ: ngày 05 tháng 6 năm 2025.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT: <i>Theo danh sách đính kèm 10 hồ sơ.</i></b><br>2.1. Tên: .....<br>2.2. Địa chỉ: .....<br>2.3. Số điện thoại liên hệ:..... Email (nếu có):.....<br>2.4. Mã số thuế (nếu có):.....<br>2.5. Giấy tờ nhân thân/pháp nhân: .....<br>Số.....; ngày cấp:..... nơi cấp... .....<br>2.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Cấp Giấy chứng nhận cho người mua nhà trong dự án phát triển nhà ở. |
| <b>III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT</b><br>3.1. Thông tin về đất<br>3.1.1. Thửa đất số: 307; Tờ bản đồ số: 60;<br>3.1.2. Địa chỉ tại: số 512 đường Nguyễn Xiển, khu phố Long Hòa, phường Long Thạnh Mỹ, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM.<br>3.1.3. Vị trí theo Bảng giá đất:<br>- Đường/đoạn đường/khu vực: đường Nguyễn Xiển (Ngã 3 Long Thuận đến cuối đường);<br>- Vị trí thửa đất: Vị trí: 1.                                                                                |

- Chiều sâu của thửa đất (nếu có):.

- Chiều rộng của ngõ/hẻm (nếu có):.....m.

3.1.4 Diện tích thửa đất: 38.556m<sup>2</sup>

- Diện tích sử dụng chung: 38.556m<sup>2</sup>

- Diện tích sử dụng riêng: .....m<sup>2</sup>

- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất:.....m<sup>2</sup>

- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất (tiền thuê đất):.....m<sup>2</sup>

- Diện tích đất trong hạn mức:.....m<sup>2</sup>

- Diện tích đất ngoài hạn mức:.....m<sup>2</sup>

3.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất:

3.1.6. Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị.

3.1.7. Thời hạn sử dụng đất:

- Ổn định lâu dài ☒

- Có thời hạn:.....năm. Từ ngày ...../...../..... đến ngày:...../...../.....

- Gia hạn..... năm. Từ ngày ...../...../..... đến ngày:...../...../.....

3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:...../...../.....;

3.1.9. Giá đất: theo Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về Bảng giá đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3.1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT81023 ngày 07 tháng 12 năm 2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp.

3.2. Thông tin về tài sản gắn liền với đất: **Theo danh sách đính kèm 10 hồ sơ**

3.2.1. Loại nhà ở, công trình: ; cấp hạng nhà ở, công trình:.....;

3.2.2. Diện tích xây dựng: m<sup>2</sup>;

3.2.3. Diện tích sàn xây dựng: m<sup>2</sup>/diện tích sử dụng: m<sup>2</sup>;

3.2.4. Diện tích sở hữu riêng: Diện tích sàn xây dựng: m<sup>2</sup>/diện tích sử dụng: m<sup>2</sup>;

3.2.5. Số tầng:

+ 25 tầng + 2 tầng hầm (Tòa S1.01, Tòa S1.03 và Tòa S1.05);

+ 35 tầng + 2 tầng hầm (Tòa S1.02, Tòa S1.06 và Tòa S1.07);

Kết cấu: Tường gạch, khung cột BTCT, sàn BTCT, mái BTCT.

Năm hoàn thành công trình đưa vào sử dụng: năm 2020.

3.2.6. Nguồn gốc:.....

3.2.7. Thời hạn sở hữu đến: ..... năm.

#### IV. THÔNG TIN VỀ NHU CẦU GHI NỢ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH

- Tiền sử dụng đất: .....
- Lệ phí trước bạ: .....

#### V. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP

Đính kèm 10 hồ sơ của người mua đề nghị cấp Giấy chứng nhận gồm:

- + Hợp đồng mua bán.
- + Biên bản bàn giao nhà.
- + Bản vẽ sơ đồ căn hộ.
- + Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Trung tâm Công nghệ thông tin (để đăng tin);
- Công ty CP Phát triển Thành phố Xanh;
- Lưu: VT, ĐK(HS), Ngọc.

HS: 670/2025 *ngl*

**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC** ✓



**Lê Thành Phương**



**DANH SÁCH 10 CĂN HỘ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**THUỘC DỰ ÁN KHU DÂN CƯ SÀ CÔNG VIÊN PHƯỚC THIỆN, PHƯỜNG LONG THẠNH MỸ, TP.THỦ ĐỨC**  
(Vinhomes Grand Park - A10 - S1)  
Đính kèm Phiếu chuyển số ...../PC-VPĐK-ĐK ngày 13/.../2025 của Văn phòng ĐKĐĐT

| STT | Biên nhận | Tên Khách hàng                                                                                                                                                                                                                                           | Mã căn theo HDMB | Mã căn theo PADS N            | Diện tích sử dụng (m2) | Diện tích sàn xây dựng (m2) | Loại tài sản |
|-----|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------|------------------------|-----------------------------|--------------|
| 1   | 670       | Ông LUNG, KUANG-HUI<br>Năm sinh: 1965; Quốc tịch: Đài Loan<br>Hộ chiếu số: 361400118; Ngày cấp: 17/01/2023; Nơi cấp: Đài Loan                                                                                                                            | S1.011016        | 10.16, Tầng 10, Tòa nhà S1.01 | 63.0                   | 69.2                        | Căn hộ       |
| 2   | 671       | Ông PARK JUNGOUN<br>Năm sinh: 1967; Quốc tịch: Hàn Quốc<br>Hộ chiếu số: M987S2049; Ngày cấp: 25/01/2024; Nơi cấp: Hàn Quốc<br>Bà WANG EUNYOUNG<br>Năm sinh: 1970; Quốc tịch: Hàn Quốc<br>Hộ chiếu số: M06431117; Ngày cấp: 20/11/2018; Nơi cấp: Hàn Quốc | S1.030707        | 7.07, Tầng 7, Tòa nhà S1.03   | 54.6                   | 59.1                        | Căn hộ       |
| 3   | 672       | Bà NGAN LAM<br>Năm sinh: 1964; Quốc tịch: Hồng Kông<br>Hộ chiếu số: H20939532; Ngày cấp: 06/04/2022; Nơi cấp: Hồng Kông                                                                                                                                  | S1.061711        | 17.11, Tầng 17, Tòa nhà S1.06 | 75.0                   | 81.5                        | Căn hộ       |
| 4   | 673       | Ông KIM EUNGSEOK<br>Năm sinh: 1968; Quốc tịch: Hàn Quốc<br>Hộ chiếu số: M27215366; Ngày cấp: 09/05/2019; Nơi cấp: Hàn Quốc<br>Bà LEE INHYE<br>Năm sinh: 1974; Quốc tịch: Hàn Quốc<br>Hộ chiếu số: M22065204; Ngày cấp: 01/11/2018; Nơi cấp: Hàn Quốc     | S1.062018        | 20.18, Tầng 20, Tòa nhà S1.06 | 63.3                   | 69.2                        | Căn hộ       |
| 5   | 674       | Bà NGAN LAM<br>Năm sinh: 1964; Quốc tịch: Hồng Kông<br>Hộ chiếu số: H20939532; Ngày cấp: 06/04/2022; Nơi cấp: Hồng Kông                                                                                                                                  | S1.062111        | 21.11, Tầng 21, Tòa nhà S1.06 | 75.0                   | 81.5                        | Căn hộ       |
| 6   | 675       | Bà NGAN LAM<br>Năm sinh: 1964; Quốc tịch: Hồng Kông<br>Hộ chiếu số: H20939532; Ngày cấp: 06/04/2022; Nơi cấp: Hồng Kông                                                                                                                                  | S1.062115        | 21.15, Tầng 21, Tòa nhà S1.06 | 63.3                   | 69.2                        | Căn hộ       |
| 7   | 676       | Ông LUNG, KUANG-HUI<br>Năm sinh: 1965; Quốc tịch: Đài Loan<br>Hộ chiếu số: 361400118; Ngày cấp: 17/01/2023; Nơi cấp: Đài Loan                                                                                                                            | S1.062218        | 22.18, Tầng 22, Tòa nhà S1.06 | 63.3                   | 69.2                        | Căn hộ       |
| 8   | 677       | Ông SU, SHIH-CHUAN<br>Năm sinh: 1982; Quốc tịch: Đài Loan<br>Hộ chiếu số: 350865163; Ngày cấp: 10/07/2018; Nơi cấp: Đài Loan                                                                                                                             | S1.062610        | 26.10, Tầng 26, Tòa nhà S1.06 | 63.2                   | 69.2                        | Căn hộ       |
| 9   | 678       | Ông KIM HEEGUN<br>Năm sinh: 1961; Quốc tịch: Hàn Quốc<br>Hộ chiếu số: M63791500; Ngày cấp: 21/01/2016; Nơi cấp: Hàn Quốc                                                                                                                                 | S1.063411        | 34.11, Tầng 34, Tòa nhà S1.06 | 75.1                   | 81.5                        | Căn hộ       |
| 10  | 679       | Ông CHUA BOK SENG<br>Năm sinh: 1962; Quốc tịch: Singapore<br>Hộ chiếu số: K2070152A; Ngày cấp: 18/11/2020; Nơi cấp: Singapore                                                                                                                            | S1.063519        | 35.19, Tầng 35, Tòa nhà S1.06 | 75.1                   | 81.5                        | Căn hộ       |

